TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2018
V/v: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Công Bằng
-Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Ông Nguyễn Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 471/ 2017/ TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017, về việc " Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bùi Tấn D, sinh năm: 1971
Địa chỉ: Số 62C/7, ấp P1, xã Q, huyện H, tỉnh L.

2.Bị đơn: Trần Thị Diệu H, sinh năm: 1969 (Trần Thị Dịu H)
Địa chỉ: Số 62C/7, ấp P1, xã Q, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Bùi Tấn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1989 qua mai mối anh và chị Trần Thị Diệu H (Trần Thị Dịu H) tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian sau khi kết hôn sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con. Đến khoảng năm 2014, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường hay cải nhau. Bản thân anh cố gắng khắc phục

nhưng không được, có lần còn dùng vũ lực với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, mâu thuẩn ngày càng gay gắt không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt, anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Cẩm T, sinh năm: 1994. Hiện tại đã có gia đình riêng, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn chị Trần Thị Dịu H trình bày: Chị H vắng mặt trong các phiên hòa giải. Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/12/2017 chị H trình bày: Chị và anh D tiến đến hôn nhân vào năm 1989, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị sống với gia đình chồng khoảng vài tháng. Sau đó vợ chồng mua đất và cất nhà tại xã Q, huyện H, tỉnh L, nhiều năm nay anh D đi làm phụ hồ và quen với nhiều phụ nữ khác, gần đây nhất là quen với 01 phụ nữ ở xã T, huyện B, tỉnh L, anh D về yêu cầu chị giao xe cho anh, chị không giao, anh D đốt nhà, khoảng 02 năm nay anh D sống chung với người phụ nữ khác, thỉnh thoảng mới về nhà, mỗi lần về là kiếm chuyện, 02 tháng nay anh D về nhà sống nhưng ngày nào cũng kiếm chuyện với chị, chị vẫn còn thương anh D nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Cẩm T, sinh năm: 1994. Hiện tại đã có gia đình riêng, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

**Tại phiên Tòa các đương sự trình bày:*

-Anh D trình bày: Trong thời gian chung sống, anh D nghi nghờ chị H có qua lại với người đàn ông mà chị H quen trước đó. Từ đó anh và chị H thường xuyên cự cải, anh bất mãn và đi là ăn từ nhiều năm nay ít khi về nhà. Hiện nay anh không còn tình cảm với chị H. Anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

-Chị H trình bày: Chị và anh D tiến đến hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn, vì không am, hiểu pháp luật, đến khi làm giấy khai sinh cho con cũng nhờ người làm hộ. Nhiều năm nay anh D bỏ nhà đi chung sống với người khác, không có lo gì cho gia đình, khoảng mấy tháng nay anh D không có việc làm nên về nhà ở, mặc dù sống chung nhà nhưng anh D không có quan tâm hay nói chuyện với chị, anh D thường hay điện thoại cho người phụ nữ khác trước mặt chị, chị không thể chịu đựng được, chị vẫn còn thương anh D, nhưng không thể chung sống cùng anh được nữa. Chị đồng ý ly hôn với anh D.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:*

+Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định.

+Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện anh D khởi kiện chị Trần Thị Diệu H. Trong quá trình giải quyết, chị H cung cấp được các giấy tờ tùy thân, như giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu tên của chị là Trần Thị Dịu H. Anh D cho rằng khi làm đơn khởi kiện anh nhờ người đánh máy dùm nên ghi sai chữ lót tên của chị Hà *(Từ Dịu H thành Diệu H)*. Chị H và anh D cam đoan giấy tờ tùy thân của chị H là Dịu H chứ không phải Diệu H. Công an xã Q, huyện H, tỉnh L là cơ quan quản lý nơi cư trú của chị H xác nhận chị Trần Thị Diệu H và Trần Thị Dịu H là 01 người. Do đó cần xác định Trần Thị Diệu H và Trần Thị Dịu H là 01 người.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh D, yêu cầu xin ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Anh D và chị H tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[2.2]. Anh D và chị H chung sống với nhau như vợ chồng từ nhiều năm nay và đã có con chung. Trong thời gian chung sống giữa anh chị đều thừa nhận có nhiều mâu thuẫn: Anh D nghi ngờ chị H có qua lại với người đàn ông khác. Còn chị H cho rằng nhiều năm nay anh D chung sống với người phụ nữ khác, không lo cho gia đình, về nhà thì hay kiếm chuyện với chị. Qua lời khai của anh chị cho thấy giữa anh D và chị H sống chung nhưng không tin tưởng nhau, dẫn đến bất đồng ý kiến và thường hay cự cải với nhau. Đôi khi anh chị còn dùng vũ lực với nhau để giải quyết xung đột. Từ nhiều năm nay anh D và chị H đã ly thân. Mặc dù mấy tháng nay anh D có về nhà ở nhưng không ai quan tâm đến ai. Cho thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị H đã trầm trọng

không thể khắc phục. Anh D và chị H đều thừa nhận giữa anh chị sống chung không có hạnh phúc. Tại phiên tòa anh D và chị Hà đồng ý thuận tình ly hôn. Nhưng do anh D và chị H không có đăng ký kết hôn nên không công nhận anh D và chị H là vợ chồng, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Buộc anh D phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Không công nhận anh Bùi Tấn D và chị Trần Thị Dịu H là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí: Buộc anh Bùi Tấn D nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001106 ngày 15/11/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày sau ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-Ủy ban nhân dân xã Q
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng